

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 211/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Mạnh Thắng**.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoàng Dân.

Ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Tu Lễ, xã KĐ, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn KB, xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh M kết hôn tự nguyện, đăng ký hợp pháp ngày 05/01/2018 tại UBND xã KĐ, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống và không có con nên không có hạnh phúc, phải chịu nhiều áp lực căng thẳng của gia đình. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2019 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không ai quan tâm đến ai. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh M. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết. Anh đề nghị Tòa án không phải mở phiên hòa giải lần hai mà đưa vụ án ra xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do và không trình bày gì.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên toà:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; xác định đúng quan hệ pháp luật, đủ người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp

hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M cư trú tại thôn KB, xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỹ Đức theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Tại phiên toà, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn nhưng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử thấy cần xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã KĐ, huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống và không có con chung nên không có hạnh phúc. Thực tế từ tháng 9/2019 đến nay anh chị đã ly thân, mỗi người cuộc sống riêng và không ai quan tâm tới ai. Mặc dù anh T đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Xét thấy các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh M đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn thật sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Minh T xác nhận không có và không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh M.
- 2 Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Minh T xác nhận không có và không yêu cầu nên không xem xét.
3. Về án phí: Anh Phạm Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038535 ngày 26/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã KĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Thắng